

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 6 -2019

V/v: Yêu cầu ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Thanh Thúy.

2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 856 /2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: hẻm 271 Lê Thánh T, tổ 15, phường H, TP. P, tỉnh Gia Lai, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: hẻm 271 Lê Thánh T, tổ 15, phường H, TP. P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/ 12 / 2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Anh H và chị C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND D, TP.P, Gia Lai vào năm 1998. Quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian dài, đến thời gian gần đây thì chị C thường

xuên chơi cờ bạc và gây ra nợ nần, tôi đã nhiều lần khuyên nhưng cô C nhưng cô C không nghe, việc cô C cờ bạc thường xuyên bị giang hồ đến nhà đòi nợ, gây ảnh hưởng tâm lý đến các con của tôi và cuộc sống của gia đình tôi, đến nay tôi không thể thuyết phục được cô C nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: anh H yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị C
- Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn Thanh H, sinh ngày 21/8/1998 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 03/3/2000. Ly hôn các con tôi đã đủ tuổi trưởng thành và tự lập nên tôi không đề cập đến vấn đề nuôi con và cấp dưỡng.
- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: anh H và chị C tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị C trình bày:

Về việc mâu thuẫn như lời chồng tôi trình bày là có, giữa tôi và ông H do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng tôi không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn vợ chồng tôi hiện nay rất căng thẳng nên mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, vì vậy việc anh H yêu cầu ly hôn thì tôi cũng nhất trí theo như yêu cầu của anh H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn Thanh H, sinh ngày 21/8/1998 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 03/3/2000. Ly hôn các con tôi đã đủ tuổi trưởng thành và tự lập nên tôi không đề cập đến vấn đề nuôi con và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị C và anh H tự nguyện giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Hùng có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị C, cư trú tại: tổ 15, phường D, TP.P, Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Bị đơn là chị Phạm Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp và chị C đã nhận các thông của Tòa án nhưng không đến tham gia phiên tòa, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường D, TP.P, Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 04-5-1998. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh H và chị C là hợp pháp.

[5] Quá trình chung sống anh H cho rằng chị C không quan tâm tới gia đình, hai vợ chồng bất đồng quan điểm, giữa hai vợ chồng không thể nào có tiếng nói chung, chị C thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến việc nợ nần ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và việc học hành của các con, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, bản thân chị C cũng thừa nhận những mâu thuẫn nói trên và đồng ý ly hôn với anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của anh H và chị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hùng.

[6] Về con chung: anh Hùng và chị C có 02 con chung: Nguyễn Thanh H, sinh ngày 21/8/1998 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 03/3/2000. Các con của anh H và chị C đã trưởng thành và tự lập nên HĐXX không đề cập đến vấn đề nuôi con và cấp dưỡng.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: anh H và chị C tự thỏa thuận về phần tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H và chị C không có nợ chung nên không có yêu cầu gì. Do đó, Tòa án không đề cập đến.

[8] Về án phí: anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hùng.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Phạm Thị C

2. Về án phí: anh H phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0004400 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường D, TP.P, Gia Lai.
(Giấy CNKH số 45 ngày 04-05-1998);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**